TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày 15/12/2017
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:*** Ông Vũ Công L.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Trần Hữu S - Cán bộ hưu xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Bà Nguyễn Thị H - Cán bộ hưu phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q - Cán bộ Toà án.
Đại diện VKSND thành phố H: Bà Trần Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số: 157/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXX ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh **Vũ Sỹ A**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Khu tập thể H, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Cháu Vũ Trung N, sinh ngày 05/3/2011.
Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2017, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn Nguyễn Thị D thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị D kết hôn với anh Vũ Sỹ A trên cơ sở có thời gian được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H ngày 29/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D về sống chung cùng gia đình nhà chồng ở số 70 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng chị D bình thường, sau một năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, ngoài ra do chồng chị D theo bạn bè rủ rê nên mải chơi không chịu làm ăn, lo toan cho kinh tế của gia đình và cũng đua theo bạn bè mà chồng chị nghiện rượu. Những lúc chồng chị đi uống rượu say về là chửi và đánh đập chị nhiều lần ngay cả khi chị mới sinh con được 01 tháng. Bản thân chị D cũng đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chồng chị không nghe mà vẫn tiếp tục lao vào uống rượu. Do vợ chồng mâu thuẫn đã hai lần chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sinh sống, lần cuối chị bỏ về nhà mẹ đẻ là ngày 12/3/2012. Vợ chồng chị đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Khoảng tháng 6 năm 2017 gia đình nhà chồng cũng như chồng chị có duy nhất một lần lên để xin đón mẹ con chị về nhưng vì công việc của chị ở Thái Nguyên nên chị không thể về được, chị có nói với chồng chị ở lại Thái Nguyên nhưng anh A không nghe mà còn đi với một người phụ nữ chị chỉ biết quê ở Hải Phòng. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình có biết nhưng chưa khi nào gặp gỡ để nói chuyện mà chỉ trực tiếp nói chuyện và động viên chị. Đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Vũ Sỹ A nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết với nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Sỹ A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Trung N, sinh ngày 05/3/2011. Hiện tại cháu đang ở cùng với chị D. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Trung N và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay nợ cũng như không nợ ai tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vũ Sỹ A trình bày:

Về tình cảm: Anh kết hôn với chị D và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H vào ngày 29/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh ở cùng với mẹ đẻ anh A một thời gian sau đó thì vợ chồng anh lên huyện Â, tỉnh Hưng Yên mở xưởng may mặc được khoảng 03 năm. Do xưởng hoạt động không hiệu quả nên phải đóng cửa, trong thời gian 03 năm đầu chung sống, tình cảm vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế. Cuối năm 2011 chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sinh sống, đã nhiều lần anh lên đón và thuyết phục nhưng mẹ con chị D không về. Cũng trong thời gian đó, anh đã đi xuất khẩu lao động lại Anh Quốc với thời gian là 5,5 năm. Trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động, giữa anh và chị D cũng không có liên lạc gì với nhau. Tháng 4 năm 2017 anh về Việt Nam, anh có lên đón mẹ con chị D về nhưng mẹ con chị D không về Hưng Yên mà yêu cầu anh phải ở trên Thái Nguyên cùng với mẹ con chị D. Do anh không nhất trí nên vợ chồng anh lại xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2011 cho đến nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị D có đơn xin ly hôn thì anh có quan điểm là nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Vũ Trung N, sinh ngày 05/3/2011. Hiện tại cháu đang ở cùng với chị D, nếu ly hôn anh nhất trí giao cháu N cho chị D Trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Anh nhất trí ý kiến của chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay nợ cũng như không nợ ai tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng là bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ chị D và bà Phí Thị D là mẹ đẻ anh A trình bày:

Chị D và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H năm 2009 theo đúng qui định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng chị D, anh A có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A hay uống rượu, những lần uống rượu say có đánh đập chị D. Do vợ chồng mâu thuẫn nên cuối năm 2011 chị D đã đưa con về quê ở Thái Nguyên sinh sống, vợ chồng chị D, anh A đã sống ly thân từ cuối năm 2011 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Gia đình hai bên cũng có trực tiếp động viên, khuyên ngăn để vợ chồng chị D, anh A về đoàn tụ nhưng cũng không có kết quả gì. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh A, gia đình hai bên cũng mong muốn cho chị D và anh A về với nhau để nuôi dạy con chung. Nhưng cả hai anh chị cương quyết ly hôn thì do hai anh chị tự quyết định, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn anh Vũ Sỹ A đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy trực thuộc Sơ lao động thương binh và xã hội tỉnh Hưng Yên nên không thể đến Tòa án làm việc được. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải cho vợ chồng chị D và anh A được.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị D vắng mặt có lý do, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện, Bị đơn anh A vắng mặt tại phiên tòa có lý do, anh A đang đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy trực thuộc Sơ lao động thương binh và xã hội tỉnh Hưng Yên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX sẽ tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX căn cứ điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Vũ Sỹ A. Giao cháu Vũ Trung N cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung

và công nợ: chị D và anh A không có tài sản chung nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và xác định thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Sỹ A có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, hôn nhân giữa chị D và anh A là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều phát sinh mâu thuẫn do anh A uống rượu đánh đập chị D, sống với nhau không hạnh phúc nên chị D đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh A, anh A có Hộ khẩu thường trú tại Khu tập thể H, phường A, thành phố H. Hiện nay anh A đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy trực thuộc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Hưng Yên ở xã X, huyện Â, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý và xã định quan hệ pháp luật cũng như giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, thì thấy: căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, trên cơ sở kết quả việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh A thể hiện chị D và anh A chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh A không chịu lo làm ăn mà theo bạn bè, hay uống rượu về lại đánh đập chị D, không quan tâm đến chị D. Do vợ chồng mâu thuẫn, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sinh sống từ cuối năm 2011, anh A thì đi xuất khẩu lao động tại Anh Quốc 5,5 năm. Cả một thời gian dài chị D và anh A sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai, ngay cả khi anh A đi xuất khẩu lao động về, chị D đã tạo điều kiện cho anh A lên Thái Nguyên sinh sống để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh A không nghe và anh A vẫn tiếp tục uống rượu nên đến tháng 4 năm 2017 gia đình anh A đã phải cho anh An đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy vào đầu năm 2017. Điều đó chứng tỏ anh A đã không muốn chung sống với chị D để xây dựng hạnh phúc gia đình. HĐXX thấy: Mâu thuẫn giữa chị D và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vì hạnh phúc chỉ đạt được khi có sự vun đắp của cả vợ và chồng nhưng giữa chị D và anh A đều có chung quan điểm xác định không còn tình cảm vợ chồng và đi đến thống nhất ly hôn, Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy, vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Sỹ A có với nhau 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Vũ Trung N, sinh ngày 05/3/2011. Hiện tại cháu đang ở cùng với chị D là mẹ đẻ của cháu. Nay ly hôn, chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, anh A có quan điểm nhất trí giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi

dưỡng. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị D và anh A xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ nần gì ai về tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Do nguyên đơn chị D, bị đơn anh A vắng mặt có lý do, đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX sẽ căn cứ vào các điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[5]Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân - gia đình năm 2014. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147 BLTTDS, điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Vũ Sỹ A.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trung N, sinh ngày 05/3/2011 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Anh Vũ Sỹ A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị D và anh A xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ nần gì ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số HY/2010/002940 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận.
- VKSND thành phố H.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

- Chi cục THADS T.P H.
- UBND phường A;
- Các đương sư.
- Lưu HS.

Vũ Công L